



PHARIMEXCO

CTY CP DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Mẫu số B 02-DN
Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2009

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	144,549,765,049	123,418,565,662	397,550,235,516	384,429,433,110
2. Các khoản giảm trừ	03	24	1,068,873,775	1,308,725,834	3,322,951,867	4,786,797,572
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	143,480,891,274	122,109,839,828	394,227,283,649	379,642,635,538
4. Giá vốn hàng bán	11	25	109,922,709,209	84,074,641,528	297,717,939,373	286,441,674,349
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33,558,182,065	38,035,198,300	96,509,344,276	93,200,961,189
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	593,539,016	237,565,957	1,029,659,222	1,118,248,919
7. Chi phí tài chính	22	26	4,562,180,514	4,841,976,373	19,536,364,407	11,776,460,779
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,476,031,945	4,841,976,373	15,351,379,049	11,084,853,981
8. Chi phí bán hàng	24		10,333,808,121	12,974,231,469	21,756,497,642	26,500,550,684
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,176,269,471	5,256,980,296	10,746,747,190	12,559,841,199
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15,079,462,975	15,199,576,119	45,499,394,259	43,482,357,446

11. Thu nhập khác	31					
12. Chi phí khác	32		499,719,243	258,687,408	1,591,328,801	794,800,433
13. Lợi nhuận khác	40		83,588,011	441,791,747	1,278,669,610	1,750,416,473
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		416,131,232	(183,104,339)	312,659,191	(955,616,040)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	15,495,594,207	15,016,471,780	45,812,053,450	42,526,741,406
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	1,272,713,474	1,507,308,728	3,334,302,637	4,251,984,800
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	28	14,222,880,733	13,509,163,052	42,477,750,813	38,274,756,606
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			(15,434,045)	(27,741,597)	(24,246,194)	3,377,768
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			14,238,314,777	13,536,904,649	42,501,997,007	38,271,378,838
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,465	1,671	4,373	4,725

TỔNG GIÁM ĐỐC



LƯƠNG VĂN HÓA

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Handwritten signature of Kế Toán Trưởng

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 10 năm 2009

LẬP BẢNG

Handwritten signature of Lập Bảng